



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 151/2014/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27/02/2014 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản nợ phải thu 16.286.461.914 đồng và nợ phải trả 17.606.644.705 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2013. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận công nợ nhưng đến thời điểm này chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản nợ nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” thì các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các

luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Trọng Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ hành nghề số 0391-2013-010-1

Lâm Quang Tú

Kiểm toán viên

Chứng chỉ hành nghề số 1031-2013-010-1

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/11/2013 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2013: 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.35122163
- Fax: (84) 04.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 115 người. Trong đó cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|----------|--|
| • Ông Phạm Ngọc Tới | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Lê Hoàng Hải | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Ông Tô Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Trần Tiểu Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007
Miễn nhiệm ngày 21/03/2013 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------------|------------|--|
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2013 |
| • Bà Phan Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007
Miễn nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 10/10/2007
Miễn nhiệm ngày 21/03/2013 |
| • Ông Võ Văn Chiến | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29/03/2010
Miễn nhiệm ngày 21/03/2013 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|---------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 27/03/2013 |
| | Kiểm Kế toán trưởng | |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hoàng Hải

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.856.908.637	37.458.879.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.839.710.614	9.909.770.702
1. Tiền	111		3.739.710.614	2.809.770.702
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.100.000.000	7.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	750.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.438.352.916	22.994.535.977
1. Phải thu khách hàng	131		25.161.355.398	20.362.021.975
2. Trả trước cho người bán	132		521.058.741	2.485.138.040
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.095.943.994	147.375.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(340.005.217)	-
IV. Hàng tồn kho	140		5.460.247.619	3.113.667.945
1. Hàng tồn kho	141	8	5.497.538.353	3.113.667.945
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.290.734)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		368.597.488	690.904.653
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	261.967.266	253.760.562
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	80.191.026
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	106.630.222	356.953.065
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.293.765.980	2.559.187.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.157.859.254	1.588.303.198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.157.859.254	1.588.303.198
- Nguyên giá	222		7.349.344.944	5.683.234.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.191.485.690)	(4.094.931.659)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.135.906.726	970.884.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.099.230.895	707.831.116
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		286.675.831	263.053.399
3. Tài sản dài hạn khác	268	13	750.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.150.674.617	40.018.066.990

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.883.000.527	24.388.572.349
I. Nợ ngắn hạn	310		32.883.000.527	24.388.572.349
1. Phải trả người bán	312		20.238.668.804	15.519.843.780
2. Người mua trả tiền trước	313		2.868.824.506	65.230.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.209.435.700	1.204.895.467
4. Phải trả người lao động	315		7.062.570.562	6.896.714.449
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	292.249.376	830.427.789
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		211.251.579	(128.539.455)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.267.674.090	15.629.494.641
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	22.267.674.090	15.629.494.641
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	15.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	(119.500.000)	-
3. Cổ phiếu quỹ	414	16	(150.000)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	2.318.879.561	824.349.970
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	648.072.913	431.854.235
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	4.420.371.616	4.373.290.436
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.150.674.617	40.018.066.990

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	116.681.861.843	90.129.960.997
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	116.681.861.843	90.129.960.997
4. Giá vốn hàng bán	11	18	82.520.915.258	67.626.740.549
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		34.160.946.585	22.503.220.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	476.069.665	725.502.048
7. Chi phí tài chính	22	20	32.615.777	74.549.253
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.615.777	74.549.253
8. Chi phí bán hàng	24		18.452.756.155	9.716.233.528
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.388.335.817	8.554.601.104
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.763.308.501	4.883.338.611
11. Thu nhập khác	31	21	325.826.708	151.556.357
12. Chi phí khác	32	22	22.350.552	70.439.621
13. Lợi nhuận khác	40		303.476.156	81.116.736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	6.066.784.657	4.964.455.347
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.683.921.606	903.941.281
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(23.622.432)	(98.890.237)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	4.406.485.483	4.159.404.303
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.721	4.159

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	115.942.984.701	84.187.824.105
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(89.341.250.474)	(65.258.020.579)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17.200.716.255)	(8.963.849.399)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(32.615.777)	(76.835.586)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(919.132.662)	(1.684.142.494)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.211.073.342	1.728.587.746
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.692.026.414)	(3.879.242.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.968.316.461	6.054.321.648
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.345.453.547)	(972.893.501)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	14.107.500
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	412.877.998	735.755.770
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.932.575.549)	(223.030.231)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	3.880.500.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.022.231.090	2.913.160.829
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.022.231.090)	(3.635.160.829)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(986.301.000)	(1.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.894.199.000	(2.222.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.929.939.912	3.609.291.417
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.909.770.702	6.300.479.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.839.710.614	9.909.770.702

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019582 ngày 14/09/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 04/11/2013 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2013: 15.000.000.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Thiết kế trang web;
- Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy - học;
- Phát hành sách, tranh-ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ các ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư, các sản phẩm ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu;
- Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tất cả tài sản cố định hiện có. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc, thiết bị	3,5
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Đối với sách tham khảo, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5% .
 - ✓ Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Riêng hoạt động xuất bản được áp dụng mức thuế suất 10% kể từ năm 2012.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	357.403.950	325.311.561
Tiền gửi ngân hàng	3.382.306.664	2.484.459.141
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.100.000.000	7.100.000.000
Cộng	16.839.710.614	9.909.770.702

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phiếu Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội (75.000 CP)	750.000.000	750.000.000
Cộng	750.000.000	750.000.000

Báo cáo tài chính các năm của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Hà Nội đều có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa niêm yết trên các sở giao dịch và công ty cũng không có nguồn dữ liệu đáng tin cậy nào về thị giá của cổ phiếu này. Do đó, khoản đầu tư trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạ Thanh Tùng	7.683.263	12.593.830
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	52.155.556	18.963.889
Bảo hiểm xã hội	56.027.399	20.508.770
Bảo hiểm y tế	-	46.367.865
Bảo hiểm thất nghiệp	16.420.420	8.655.641
Phải thu khác	963.657.356	40.285.967
Cộng	1.095.943.994	147.375.962

8. Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.464.375.424	171.141.379
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.432.222	4.452.222
Thành phẩm	2.418.518.323	2.586.628.675
Hàng hóa	588.212.384	351.445.669
Cộng	5.497.538.353	3.113.667.945

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	261.967.266	253.760.562
Cộng	261.967.266	253.760.562

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	106.630.222	356.953.065
Cộng	106.630.222	356.953.065

11. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.394.039.871	1.122.077.563	1.167.117.423	5.683.234.857
Mua sắm trong năm	-	2.136.401.901	95.454.546	2.231.856.447
Giảm khác	-	22.327.273	543.419.087	565.746.360
Số cuối năm	3.394.039.871	3.236.152.191	719.152.882	7.349.344.944
Khấu hao				
Số đầu năm	2.613.053.052	680.434.855	801.443.752	4.094.931.659
Khấu hao trong năm	625.743.974	683.921.877	289.429.050	1.599.094.901
Giảm khác	-	11.061.865	491.479.005	502.540.870
Số cuối năm	3.238.797.026	1.353.294.867	599.393.797	5.191.485.690
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	780.986.819	441.642.708	365.673.671	1.588.303.198
Số cuối năm	155.242.845	1.882.857.324	119.759.085	2.157.859.254

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 3.330.793.406 đồng.
Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2013.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	704.902.429	707.831.116
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.394.328.466	-
Cộng	2.099.230.895	707.831.116

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	750.000.000	-
Cộng	750.000.000	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	78.490.318	376.563.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.460.948.504	696.159.560
Thuế thu nhập cá nhân vãng lai	669.996.878	41.556.862
Các loại thuế khác	-	90.615.676
Cộng	2.209.435.700	1.204.895.467

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.251.488	452.151.002
Cổ tức phải trả	13.699.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.298.888	378.276.787
- Quỹ từ thiện NXB	6.195.714	6.195.714
- Phải trả khác	159.103.174	372.081.073
Cộng	292.249.376	830.427.789

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
SD tại 01/01/2012	10.000.000.000	-	493.663.835	299.235.338	-	1.075.047.856
Tăng trong năm	-	-	330.686.135	132.618.897	-	4.159.404.303
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	861.161.723
SD tại 31/12/2012	10.000.000.000	-	824.349.970	431.854.235	-	4.373.290.436
SD tại 01/01/2013	10.000.000.000	-	824.349.970	431.854.235	-	4.373.290.436
Tăng trong năm	5.000.000.000	(119.500.000)	1.494.529.591	216.218.678	(150.000)	4.406.485.483
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	4.359.404.303
SD tại 31/12/2013	15.000.000.000	(119.500.000)	2.318.879.561	648.072.913	(150.000)	4.420.371.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2013	31/12/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.500.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	15	-
- Cổ phiếu thường	15	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.985	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.499.985	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.373.290.436	1.075.047.856
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.406.485.483	4.159.404.303
Phân phối lợi nhuận	4.359.404.303	861.161.723
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.359.404.303	861.161.723
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.494.529.591	330.686.135
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	216.218.678	132.618.897
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	648.656.034	397.856.691
+ Trả cổ tức bằng tiền	1.000.000.000	-
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.000.000.000	-
- Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>4.420.371.616</u>	<u>4.373.290.436</u>

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 ngày 21/03/2013.

d. Cổ tức

Ngày 27/2/2013, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (Trong đó: cổ tức đợt 2 năm 2011 là 2% và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 là 8%). Thời gian chi trả cổ tức từ ngày 18/3/2013.

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 cũng thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 1.000.000.000 đồng). Công ty đã thực hiện tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2013.

17. Doanh thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	116.681.861.843	90.129.960.997
+ Doanh thu bán sách tham khảo	100.244.975.831	75.691.356.454
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	16.436.886.012	14.438.604.543
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	116.681.861.843	90.129.960.997

18. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn sách tham khảo	74.025.494.879	56.108.197.286
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	8.458.129.645	11.518.543.263
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	37.290.734	-
Cộng	82.520.915.258	67.626.740.549

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	401.069.665	530.502.048
Cổ tức, lợi nhuận được chia	45.000.000	195.000.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	30.000.000	-
Cộng	476.069.665	725.502.048

20. Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	32.615.777	74.549.253
Cộng	32.615.777	74.549.253

21. Thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	14.107.500
Nhận tiền khuyến mãi	104.269.866	16.535.821
Thu tiền đền bù do mất hàng	161.473.642	-
Thu từ bán phế liệu	33.500.000	50.966.545
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	20.777.577
Thu nhập khác	26.583.200	49.168.914
Cộng	325.826.708	151.556.357

22. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	11.659.090
Nộp phạt thuế	18.310.842	53.761.029
Chi phí khác	4.039.710	5.019.502
Cộng	22.350.552	70.439.621

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.066.784.657	4.964.455.347
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	697.276.064	1.292.516.770
Điều chỉnh tăng	742.276.064	1.487.516.770
- Chi phí không hợp lệ	461.673.120	233.193.001
- Khấu hao chênh lệch giữa thuế và kế toán	176.242.870	449.501.076
- Khấu hao của nguyên giá xe ô tô vượt 1,6 tỷ	89.400.315	-
- Lãi + phạt thuế	14.959.759	53.761.029
- Chi phí không hợp lệ theo thuế	-	751.061.664
Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	45.000.000	195.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.764.060.721	6.256.972.117
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh xuất bản	47.290.492	2.145.002.657
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	5.992.489.633	3.516.119.398
- Thu nhập khác	724.280.596	595.850.062
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.683.921.606	1.242.492.602
- Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xuất bản	4.729.049	214.500.266
- Thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.498.122.408	879.029.850
- Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	181.070.149	148.962.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	338.551.321
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.683.921.606	903.941.281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.622.432)	(98.890.237)
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại năm nay	(44.060.718)	(98.890.237)
- Điều chỉnh thuế TNDN hoãn lại so thay đổi thuế suất áp dụng các năm sau (22% và 20%)	20.438.286	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.406.485.483	4.159.404.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.406.485.483	4.159.404.303
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	4.406.485.483	4.159.404.303
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.184.369	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.721	4.159

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.161.550.598	35.829.384.229
Chi phí nhân công	19.548.308.857	16.253.873.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.599.094.901	1.217.058.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.243.413.339	14.485.075.766
Chi phí khác bằng tiền	3.584.206.141	1.579.559.529
Cộng	89.136.573.836	69.364.951.423

26. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là hoạt động mỹ thuật, truyền thông giáo dục và phát hành sách và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

27. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ cách khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Hơn nữa khách hàng của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác các nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.238.668.804	-	20.238.668.804
Phải trả khác	178.997.888	-	178.997.888
Cộng	20.417.666.692	-	20.417.666.692
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.519.843.780	-	15.519.843.780
Phải trả khác	378.276.787	-	378.276.787
Cộng	15.898.120.567	-	15.898.120.567

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.839.710.614	-	16.839.710.614
Phải thu khách hàng	24.821.350.181	-	24.821.350.181
Phải thu khác	1.023.496.175	-	1.023.496.175
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Tài sản tài chính khác	-	750.000.000	750.000.000
Cộng	43.434.556.970	750.000.000	44.184.556.970

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.909.770.702	-	9.909.770.702
Phải thu khách hàng	20.362.021.975	-	20.362.021.975
Phải thu khác	147.375.962	-	147.375.962
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	31.169.168.639	-	31.169.168.639

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố HCM	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. HCM	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Nam Định	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Hà Giang	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Cần Thơ	Công ty cùng chung nhà đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Sách TBTH Kon Tum
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai
Công ty CP Sách TBTH Nghệ An

Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty cùng chung nhà đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên có liên quan gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Bán tem, sách	371.669.942	6.739.217.340
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	4.004.129.413	1.293.617.994
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Bán tem, sách	1.496.467.500	661.265.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	4.005.100.000	1.975.325.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bán sách các loại	1.128.111.980	1.429.140.396
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	503.282.456	1.012.131.848
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Bán tem, sách	2.338.043.685	787.677.423
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Bán tem, sách	341.850.500	201.317.600
Công ty CP Sách Dân tộc	Bán sách các loại	109.623.760	119.671.621
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Bán sách các loại	428.128.525	181.713.155
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phim, tem, sách	4.651.686.297	3.960.487.952
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Bán sách các loại	186.740.032	99.353.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Bán sách các loại	161.773.217	150.243.434
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Bán sách các loại	329.465.598	40.472.500
Công ty CP Sách TBGD Nam Định	Bán sách các loại	1.929.973.797	1.370.017.078
Công ty CP Sách TBTH Hà Giang	Bán sách các loại	255.856.877	1.369.837.903
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre	Bán sách các loại	2.398.233.620	1.314.609.844
Công ty CP Sách TBTH Cần Thơ	Bán sách các loại	274.984.875	-
Công ty CP Sách TBTH Kon Tum	Bán sách các loại	305.750.050	-
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Bán sách các loại	450.807.908	472.598.145
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai	Bán sách các loại	429.694.110	696.411.633
Công ty CP Sách TBTH Nghệ An	Bán sách các loại	922.211.469	1.003.331.514
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Mua tem	-	132.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Thuê nhà, điện, nước	403.582.997	366.301.398
	Phí QLXB	916.817.999	435.792.000
	Mua khác	-	24.200.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Mua bản đồ, tranh ảnh	508.257.720	149.832.168
Công ty CP In Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	In, thuê kho, xưởng	217.351.807	524.860.856
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Mua sách các loại	294.462.060	96.346.955
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	2.161.995.151	1.724.473.205
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.045.310.620	658.992.080
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách các loại	2.187.517.018	1.962.878.384
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Mua sách các loại	316.339.701	-
Khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Trả cổ tức	510.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên có liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	1.493.797.231	1.617.504.945
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	16.621.807	1.006.309.594
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	821.066.868	673.459.368
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	2.541.000.000	1.960.200.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Phải thu khách hàng	163.055.268	161.755.020
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Phải thu khách hàng	378.343.412	189.104.952
	Phải trả người bán	222.840.000	-
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	155.740.776	31.102.218
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	338.974.000	330.000
Công ty CP Sách Dân tộc	Phải thu khách hàng	38.395.643	133.573.020
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Phải thu khách hàng	4.022.833.220	925.180.399
Công ty CP Sách và TBTH TP.Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	-	114.240.815
	Ứng trước tiền hàng	17.817.136	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	77.485.852	52.685.026
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại TP Hà Nội	Phải trả người bán	147.416.418	34.200.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Phải trả người bán	192.335.890	112.046.304
Công ty CP ĐT&PT Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán	192.487.369	302.887.700
Công ty CP Sách TBGD Nam Định	Phải thu khách hàng	237.156	237.156
Công ty CP Sách TBTH Hà Giang	Phải thu khách hàng	56.964.877	965.204.523
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Phải thu khách hàng	129.214.800	2.783.000
Công ty CP Sách TBTH Lào Cai	Phải thu khách hàng	237.092.552	-
Công ty CP Sách TBTH Nghệ An	Phải thu khách hàng	91.485.162	14.929.741

d. Thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban Giám đốc trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương Ban Giám đốc	2.473.848.227	1.425.814.002
- Giám đốc	1.016.139.501	591.015.490
- Phó Giám đốc	1.457.708.726	834.798.512
Thù lao Hội đồng quản trị	417.866.664	307.388.888

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố do Công ty quyết định hồi tố báo cáo tài chính sau khi có kết quả kiểm tra năm 2010, 2011 và 2012 của cơ quan thuế. Các chỉ tiêu đã điều chỉnh cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a) Năm 2010

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 31/12/2010 (Đã hồi tố)	Chênh lệch VND	Ghi chú
	VND	VND		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	65.272.925	65.272.925	(1)
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	497.529.841	596.347.999	98.818.158	(2),(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.191.146.477	2.157.601.244	(33.545.233)	(4)
	Năm 2010	Năm 2010 (Đã hồi tố)	Chênh lệch	Ghi
Báo cáo kết quả kinh doanh	VND	VND	VND	chú
Chi phí khác	-	13.798.806	13.798.806	(2)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.966.066.278	2.952.267.472	(13.798.806)	(2)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	788.805.934	873.825.286	85.019.352	(3)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(65.272.925)	(65.272.925)	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.177.260.344	2.143.715.111	(33.545.233)	(4)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.177	2.143	(34)	(4)

- (1) Chênh lệch tạm thời được khấu trừ về khấu hao giữa chi phí tính thuế TNDN và chi phí kế toán là 296.695.112 đồng làm phát sinh tăng “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại cùng một lượng là 65.272.925 đồng (tương ứng với thuế suất dự tính là 22%).
- (2) Chi phí khác tăng 13.798.806 đồng do hạch toán các khoản phạt và truy thu thuế thu nhập cá nhân lần lượt là 8.983.469 đồng và 4.815.337 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tăng và khoản mục “Lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm cùng một lượng 13.798.806 đồng.
- (3) Điều chỉnh hồi tố khoản truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp 85.019.352 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành” cùng tăng một lượng.
- (4) Tổng hợp các điều chỉnh (1), (2) và (3) làm khoản mục “Lợi nhuận sau thuế TNDN”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm 33.545.233 đồng. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” giảm 34 đồng/cổ phiếu.

b) Năm 2011

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày 31/12/2011	Số liệu tại ngày 31/12/2011 (Đã hồi tố)	Chênh lệch VND	Ghi chú
	VND	VND		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	164.163.162	164.163.162	(5)
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	1.266.717.651	1.555.642.253	288.924.602	(8)
Quỹ đầu tư phát triển	527.209.068	493.663.835	(33.545.233)	(10)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.166.264.063	1.075.047.856	(91.216.207)	(9)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Năm 2011	Năm 2011	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	(Đã hồi tố) VND		
Chi phí khác	3.746.733	68.359.436	64.612.703	(6)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.645.860.485	3.581.247.782	(64.612.703)	(6)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	993.482.555	1.118.976.296	125.493.741	(7)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(98.890.237)	(98.890.237)	(5)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.652.377.930	2.561.161.723	(91.216.207)	(9)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.652	2.561	(91)	(9)

(5) Khoản mục “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” tăng 164.163.162 đồng là do:

+ Ảnh hưởng lũy kế của việc điều chỉnh tại mục (1) là 65.272.925 đồng

+ Chênh lệch tạm thời được khấu trừ về khấu hao giữa chi phí tính thuế TNDN và chi phí kế toán là 449.501.076 đồng làm phát sinh tăng “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại cùng một lượng là 98.890.237 đồng (tương ứng với thuế suất dự tính là 22%).

(6) Chi phí khác tăng 64.612.703 đồng do hạch toán các khoản phạt và truy thu thuế thu nhập cá nhân lần lượt là 27.871.178 đồng và 36.741.525 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng” và khoản mục “Lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm cùng một lượng 64.612.703 đồng

(7) Điều chỉnh hồi tố khoản truy thu Thuế thu nhập doanh nghiệp 125.493.741 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành” cùng tăng một lượng.

(8) Khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tăng 288.924.602 đồng là do:

+ Ảnh hưởng lũy kế của điều chỉnh hồi tố số liệu năm 2010 là 98.818.158 đồng

+ Tổng ảnh hưởng bởi các điều chỉnh tại mục (6), (7) là 190.106.444 đồng

(9) Tổng hợp các điều chỉnh (5), (6) và (7) làm khoản mục “Lợi nhuận sau thuế TNDN”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm 91.216.207 đồng. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” giảm 91 đồng/cổ phiếu.

(10) Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2011 quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 như sau: sau khi trích quỹ và chia cổ tức theo số liệu được thông qua, phần còn lại sẽ bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển. Theo đó, Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2011 sẽ giảm tương ứng với số số lợi nhuận sau thuế năm 2010 là 33.545.233 đồng.

c) Năm 2012

Bảng cân đối kế toán	Số liệu tại ngày	Số liệu tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
	31/12/2012	31/12/2012		
	VND	(Đã hồi tố) VND	VND	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	263.053.399	263.053.399	(11)
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	652.111.378	1.204.895.467	552.784.089	(14)
Quỹ đầu tư phát triển	949.111.410	824.349.970	(124.761.440)	(16)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.538.259.686	4.373.290.436	(164.969.250)	(15)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Năm 2012	Năm 2012	Chênh lệch	Ghi chú
	VND	(Đã hồi tố)	VND	
		VND	VND	
Chi phí khác	16.678.592	70.439.621	53.761.029	(12)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.018.216.376	4.964.455.347	(53.761.029)	(12)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	693.842.823	903.941.281	210.098.458	(13)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(98.890.237)	(98.890.237)	(11)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.324.373.553	4.159.404.303	(164.969.250)	(15)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.324	4.159	(165)	(15)

(11) Khoản mục “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” tăng 263.053.399 đồng là do:

- + Ảnh hưởng lũy kế của việc điều chỉnh tại mục (5) là 164.163.162 đồng
- + Chênh lệch tạm thời được khấu trừ về khấu hao giữa chi phí tính thuế TNDN và chi phí kế toán năm 2012 là 449.501.076 đồng làm phát sinh tăng “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và giảm “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” năm 2012 cùng một lượng là 98.890.237 đồng (tương ứng với thuế suất dự tính là 22%).

(12) Chi phí khác năm 2012 tăng 53.761.029 đồng do hạch toán các khoản phạt thuế. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tại ngày 31/12/2012 tăng 53.761.029 đồng và khoản mục “Lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm cùng một lượng tương ứng.

(13) Điều chỉnh hồi tố khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 là 210.098.458 đồng. Theo đó, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tại 31/12/2012 tăng 210.098.458 đồng và “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” tăng tương ứng.

(14) Khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” tại 31/12/2012 tăng 552.784.089 đồng là do:

- + Ảnh hưởng lũy kế của năm 2010 và 2011 số tiền 288.924.602 đồng.
- + Tổng ảnh hưởng bởi các điều chỉnh tại mục (12), (13) là 263.859.487 đồng

(15) Tổng hợp các điều chỉnh (11), (12) và (13) làm khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại 31/12/2012 và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cùng giảm 164.969.250 đồng, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” giảm 165 đồng/cổ phiếu.

(16) Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2012 quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011 như sau: sau khi trích quỹ và chia cổ tức theo số liệu được thông qua, phần còn lại sẽ bổ sung vào Quỹ Đầu tư phát triển. Theo đó, Quỹ Đầu tư phát triển tại ngày 31/12/2012 sẽ giảm tương ứng với số số lợi nhuận sau thuế của năm 2011 là 91.216.207 đồng và của năm 2010 là 33.545.233 đồng.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Lê Hoàng Hải

Phạm Văn Thắng

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2014